|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc--------------** |
|   | *Ngày... tháng... năm 20...* |

**HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*(Dùng cho đề tài nghiên cứu ứng dụng)*Số:........../năm.../mã ngành.........

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số [23/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=23/2014/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 04 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số     ngày      của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số [55/2015/TTLT-BTC-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=55/2015/TTLT-BTC-BKHCN&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số [27/2015/TTLT-BKHCN-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=27/2015/TTLT-BKHCN-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 30/12/2015 Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Quyết định số    ngày   của Hội đồng quản lý Quỹ về việc phê duyệt kinh phí đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm.....,

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên A:** QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

- Do Ông/Bà

- Chức vụ:                                                   làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Số tài khoản:                                             tại

- Mã số sử dụng ngân sách:

**2. Bên B:** (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài)

***Tổ chức chủ trì đề tài***

- Do Ông/Bà:

- Chức vụ:                                     làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Tên tài khoản tại Kho bạc:

- Số tài khoản:                                            tại:

- Mã số sử dụng ngân sách:

***Chủ nhiệm đề tài***

- Họ và tên:

- Chức danh khoa học:

- Đơn vị công tác:

- Địa chỉ:

- Điện thoại cơ quan:                               Di động:

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Tài trợ thực hiện**

Bên A tài trợ kinh phí để Bên B thực hiện đề tài do Bên B đề xuất:....... (dưới đây viết tắt là Đề tài) - Mã số.............. theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh và các Phụ lục là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện Đề tài là............. tháng, từ tháng....... năm 20......... đến tháng... năm 201..... (không bao gồm thời gian chờ nghiệm thu và thanh lý hợp đồng).

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài**

1. Tổng kinh phí do Bên A tài trợ để thực hiện đề tài (Giá trị hợp đồng) là:... đồng *(bằng chữ:.....).*

2. Hình thức giao khoán (theo quy định tại Thông tư liên tịch số [27/2015/TTLT-BKHCN-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=27/2015/TTLT-BKHCN-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước):...................... (lựa chọn hình thức giao khoán).

trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:............. (bằng chữ.....)

+ Kinh phí khoán:............. (bằng chữ.....).

+ Kinh phí không giao khoán:............. (bằng chữ.....) ([1](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-15-2016-TT-BKHCN-quan-ly-de-tai-nghien-cuu-ung-dung-Quy-Phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-Quoc-gia-tai-tro-2016-345583.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn1%22%20%5Co%20%22))

- Kinh phí từ nguồn khác:............. (bằng chữ.....) ([2](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Thong-tu-15-2016-TT-BKHCN-quan-ly-de-tai-nghien-cuu-ung-dung-Quy-Phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-Quoc-gia-tai-tro-2016-345583.aspx%22%20%5Cl%20%22_ftn2%22%20%5Co%20%22)).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Kinh phí bên A cấp cho bên B theo tiến độ thực hiện đề tài như sau:

a) Cấp kinh phí đợt 1:

b) Cấp kinh phí đợt 2:

c) Cấp kinh phí đợt 3:

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Đề tài.

b) Cấp kinh phí từ nguồn vốn của Quỹ cho Bên B để thực hiện Đề tài theo tiến độ Hợp đồng khi Bên B đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên A để được cấp kinh phí.

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm nguyên vật liệu của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Tổ chức đánh giá báo cáo định kỳ về tiến độ và kết quả thực hiện đề tài (nội dung khoa học và kinh phí);

Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài theo quy định hiện hành;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

l) Trường hợp do điều kiện khách quan bên A chưa nhận được nguồn kinh phí bổ sung từ Ngân sách Nhà nước, tiến độ cấp kinh phí thực hiện đề tài của bên A cho bên B không đáp ứng được theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng này thì bên A sẽ có trách nhiệm thông báo cho bên B. Hai bên thống nhất điều chỉnh lại tiến độ thực hiện đề tài (nếu bên B có nhu cầu).

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và kết quả theo Thuyết minh và tuân thủ đạo đức, chuẩn mực nghiên cứu khoa học;

b) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

d) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm nguyên vật liệu bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

đ) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

e) Gửi Báo cáo định kỳ (12 tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng) cho Bên A và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài khi có yêu cầu của Bên A.

Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, Bên B có trách nhiệm xây dựng và gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài cho Bên A.

Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo Hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện Hợp đồng, Bên B phải báo cáo bằng văn bản giải trình rõ lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Bên A. Trong vòng 30 ngày, Bên A sẽ có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kéo dài thời hạn thực hiện Hợp đồng cho Bên B.

g) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

h) Đảm bảo đạo đức khoa học đối với nội dung nghiên cứu của đề tài;

i) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu, thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định;

k) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

l) Hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của Bên A và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;

n) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài;

o) Báo cáo cho Bên A các kết quả nghiên cứu. Ghi nhận sự tài trợ của Bên A trong các kết quả nghiên cứu của Đề tài được công bố, đăng tải cũng như trong các hoạt động khác liên quan đến Đề tài như sau:

+ Đối với các tài liệu tiếng Anh: "This research is funded by Vietnam National Foundation for Science and Technology Development (NAFOSTED) under grant number..........."

+ Đối với các tài liệu tiếng Việt: “Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số..............".

p) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B không đảm bảo điều kiện vật chất và nguồn nhân lực dẫn đến việc không đảm bảo tiến độ thực hiện đề tài theo Hợp đồng đã ký;

4. Bên B bị đình chỉ thực hiện đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 15/2016/TT-BKHCN.

5. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định.

6. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính chấm dứt Hợp đồng**

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Trường hợp đề tài đã kết thúc và kết quả đánh giá “không đạt” thì Bên A xem xét, quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá hoặc chuyên gia đánh giá độc lập về nguyên nhân, trách nhiệm và những nội dung công việc mà Bên B đã thực hiện có sản phẩm thực tế được đánh giá.

Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai Bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai Bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã sử dụng, Bên B có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá hoặc chuyên gia đánh giá độc lập về nguyên nhân khách quan/chủ quan.

4. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý tài sản khi chấm dứt hợp đồng

a) Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài được thực hiện theo quy định pháp luật.

b) Các sản phẩm vật chất của Đề tài sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 7. Điều khoản khác**

*(Nội dung của điều khoản được lập theo yêu cầu quản lý đề tài của Quỹ tại thời điểm ký kết do hai bên thỏa thuận).*

**Điều 8. Cam kết**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 05 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN AQUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu) | **BÊN BTỔ CHỨC CHỦ TRÌ**(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**(Chữ ký, ghi rõ họ và tên) |

*Nguồn:* Thông tư 15/2016/TT-BKHCN